

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 02-3-2021.

“V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu.
2. Ông Nguyễn Văn Vệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Đạm – Kiểm sát viên.

Ngày 23/02 và 02/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 723/2020/TLST-DS ngày 20/10/2020 về việc “V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự - vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS ngày 18/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đỗ Thị H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số nhà 116, tổ A, ấp B, xã Phương T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Võ Hữu T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 280, tổ C, ấp D, xã Mỹ T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đỗ Thị H trình bày: Do Võ Hữu T và con gái bà H là Trương Thị Mỹ Linh có mối quan hệ tình cảm với nhau và cũng xác định sẽ tiến tới hôn nhân. Do đó, bà H đã tin tưởng và giao tiền cho Võ Hữu T nhiều lần, cụ thể: Từ tháng

11/2019 đến tháng 3/2020 với tổng số tiền là 443.600.000 (bốn trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), việc giao nhận tiền không có làm giấy. Lý do, ông T cho rằng đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T ở Ngân hàng, đã đến hạn thanh toán nhưng chưa có tiền trả nên ông T hỏi mượn tiền của bà H để trả cho Ngân hàng và sau khi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thì ông T sẽ bán đất trả tiền cho bà H. Sau đó, Võ Hữu T không thực hiện việc trả lại tiền cho bà H và cố tình tránh mặt nên bà H có đơn tố cáo ông T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Lãnh. Qua làm việc tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Lãnh, ông T thừa nhận còn nợ bà H tổng số tiền là 443.600.000 đồng nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra cho rằng đây là quan hệ dân sự nên hướng dẫn bà H khởi kiện tại Tòa án.

Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu ông Võ Hữu T phải trả cho bà H số tiền 443.600.000 (bốn trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu ông Võ Hữu T phải trả cho bà H số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Hữu T nhưng ông T vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tổng đạt văn bản tố tụng, đảm bảo tính khách quan, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước và tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà H không có chứng cứ chứng minh ông T vay số tiền 443.600.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào lời trình bày của ông T tại Công an thành phố Cao Lãnh, ông T thừa nhận: Khoảng tháng 11/2019, ông T có mượn của bà H số tiền 20.000.000 đồng. Từ tháng 11/2019 đến tháng 12/2019, mượn tiếp số tiền 86.000.000 đồng thông qua 06 lần mượn, không nhớ mỗi lần bao nhiêu, hẹn khi nào lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra bán được đất sẽ trả nợ cho bà H. Như vậy, tổng số tiền ông T nợ bà H là 106.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466, 468 của bộ Luật Dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà H, buộc ông T trả cho bà H số tiền 106.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 223.600.000 đồng.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn ông Võ Hữu T có địa chỉ tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Võ Hữu T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H yêu cầu ông Võ Hữu T trả cho bà số tiền 443.600.000 đồng. Tại phiên tòa ngày 23/02/2021, bà H có cung cấp nhiều đoạn ghi âm, trong đó có đoạn ghi âm bà H cho rằng là giọng nói của ông T nói chuyện với con gái của bà H là chị Mỹ Linh và trong đoạn ghi âm này anh T có hứa trả 550.000.000 đồng là dứt điểm nhưng bà H không có chứng cứ chứng minh giọng nói trong đoạn ghi âm là của ông Võ Hữu T và bà H cũng không có chứng cứ khác thể hiện ông T có nợ bà số tiền 443.600.000 đồng nên bà đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa trong thời gian 05 ngày làm việc để bà H về yêu cầu ông T viết biên nhận để cung cấp cho Tòa án nhưng bà H không cung cấp được.

Tại phiên tòa ngày 02/3/2021, bà H yêu cầu ông T trả cho bà số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 243.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu xem xét chứng cứ là đoạn băng ghi âm đã nộp tại phiên tòa.

Căn cứ vào biên bản ghi lời khai ngày 03/6/2020 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thành phố Cao Lãnh lấy lời khai ông Võ Hữu T, ông Võ Hữu T thừa nhận: ***“Khoảng tháng 11/2019, tôi có mượn của bà Đỗ Thị H với số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó trong khoảng thời gian từ tháng 11/2019 đến tháng 12/2019, tôi (T) có tiếp tục mượn của bà H tổng cộng số tiền 86.000.000 đồng”***, tổng số tiền ông T mượn của bà H là 106.000.000 đồng. Ngoài chứng cứ nêu trên, bà H không còn tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông T có vay của bà số tiền 443.600.000 đồng hay số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà H, buộc ông T trả cho bà H số tiền 106.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 243.600.000 đồng. Việc bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1

điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận, đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với số tiền 243.600.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Bà H không yêu cầu ông T trả tiền lãi và cho rằng từ khi vay đến nay ông T có trả cho bà tiền lãi là 10.000.000 đồng nhưng không đủ trả số tiền lãi ông T đã vay. Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/6/2020 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thành phố Cao Lãnh, ông Võ Hữu T cho rằng ông có trả cho bà H 17.000.000 đồng nhưng bà H không thừa nhận, anh T cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền lãi đã trả cho bà H nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp, ông T và bà H có tranh chấp tiền lãi sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.700.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ như đã phân tích nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H.

Buộc ông Võ Hữu T có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 106.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi

hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H đối với số tiền 243.600.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Hữu T phải chịu 5.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận tiền tạm ứng án phí là 10.872.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007283 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Võ Hữu T có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh